TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7-ĐÀ N**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25- 9 -2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7-ĐÀ N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Thanh Liêm

Ông Trương Văn Tiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7-Đà N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7-Đà N tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7-Đà N xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2025/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2025 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị T, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn Hòa Bình, xã Chiên Đàn, thành phố Đà N. Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Th, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn Phú Yên, xã Chiên Đàn, thành phố Đà N. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đinh Thị T trình bày:

Chị T và anh Th tự nguyện tìm hiểu, xây dựng gia đình, có đăng ký kết 0hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Tam Đàn, huyện Phú Ninh cũ (nay là xã Chiên Đàn, thành phố Đà N) vào năm 2024. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, thường xuyên cãi vã. Nay chị T thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể sống chung được nữa, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn với anh Nguyễn Th.

Về nuôi con chung: Vợ chồng chị T có 01 con chung, tên là Nguyễn Nhật D, sinh ngày 21/11/2024. Hiện nay con còn nhỏ, mới 6 tháng tuổi, đang ở với chị T, chị T có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến tuổi thành niên và yêu cầu chồng cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, anh Nguyễn Th không đến Tòa án làm việc, cố tình trốn tránh nên không thể tiến hành lấy lời khai của anh Nguyễn Th. Vì vậy, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo các tài liệu, chứng cứ thu thập được.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân Khu vực 7-Đà N phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng pháp luật; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là không đúng theo quy định pháp luật.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đinh Thị T.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình giao cháu Nguyễn Nhật D, sinh ngày 21/11/2024 cho chị Đinh Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Yêu cầu anh Nguyễn Th cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Đối với tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Đinh Thị T khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Th có nơi cư trú tại thôn Phú Yên, xã Chiên Đàn, thành phố Đà N nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7-Đà N theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025). Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng bị đơn anh Nguyễn Th vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý

do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị T và anh Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Tam Đàn, huyện Phú Ninh cũ (nay là xã Chiên Đàn, thành phố Đà N) là hôn nhân hợp pháp. Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không thể chung sống với nhau được nữa. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã và không thể chung sống hòa hợp được với nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Th không tham gia tố tụng, không trình bày ý kiến, không tham gia phiên tòa nên không có thiện chí hàn gắn quan hệ vợ chồng. Hiện nay, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau, tình cảm vợ chồng không còn; hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị T, cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn Th.

- *Về con chung:* Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T trình bày chị và anh Th có một con chung là Nguyễn Nhật D, sinh ngày 21/11/2024. Chị T có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung đến tuổi thành niên. Chị T yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con thành niên.

Xét thấy; Cha, mẹ đều có quyền và nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của Luật hôn nhân gia đình. Anh T không tham gia tố tụng, không trình bày ý kiến về con chung. Cháu Nguyễn Nhật D còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi nên cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ, hiện nay cháu Dương đang ở với chị T và được chị T chăm sóc và phát triển bình thường. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Nguyễn Nhật D cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của anh Th và nhu cầu thiết yếu của con, Hội đồng xét xử buộc anh Th cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con thành niên là phù hợp với quy định tại Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NĐ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Nghị định 74/2024/NĐ-CP của Chính phủ, Nghị định 128/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

- *Về tài sản chung:* Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về nợ chung:* Đương sự khai không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Đinh Thị T và bị đơn anh Nguyễn Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025);

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* của nguyên đơn chị Đinh Thị T.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Đinh Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Th.

- *Về con chung:* Giao cháu Nguyễn Nhật D, sinh ngày 21/11/2024 cho chị Đinh Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi).

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung:*

Anh Nguyễn Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Nhật D mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho đến khi cháu Nguyễn Nhật D đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản họ thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó. Khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:*

Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về nợ chung:*

Đương sự khai không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Đinh Thị T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Đinh Thị T đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000179 ngày 09 tháng 7 năm 2025 của

Thi hành án dân sự thành phố Đà N. Chị Đinh Thị T đã nộp xong án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bị đơn anh Nguyễn Th phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25/9/2025). Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- UBND xã Chiên Đàn;
- VKSND Khu vực 7;
- Phòng THADS Khu vực ;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Văn Long

\

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ NINH** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:…/2017/QĐST-HNGĐ	*Phú Ninh, ngày 30 tháng 3 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
HOÃN PHIÊN TÒA
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ NINH, TỈNH QUẢNG NAM

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Sỹ.
2. Bà Huỳnh Thị Bích Phi.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mận là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Triệu Tin - Kiểm sát viên.

Đã tiến hành mở phiên toà sơ thẩm xét xử vụ án dân sự thụ lý số: 175/2016/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 12 năm 2016 về việc "Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con, trách nhiệm trả nợ chung khi ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2017.

Xét thấy bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt tại phiên toà lần thứ nhất không có lý do.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và Điều 233, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Hoãn phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 175/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2017.

2.Thời gian, địa điểm mở lại phiên toà xét xử vụ án được ấn định như sau:

Phiên toà dân sự sơ thẩm sẽ được mở lại vào hồi 07 giờ 30 phút ngày 14 tháng 4 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam. Địa chỉ: Thị trấn Phú Thịnh, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

Nơi nhận:
- Anh Lý;
- VKSND huyện Phú Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Quân

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 49-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định hoãn phiên toà; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định hoãn phiên toà (ví dụ: Số: 89/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi họ tên của Thư ký Toà án và tên Toà án nơi thư ký Toà án công tác như hướng dẫn tại điểm (1).

(4) Nếu có Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên toà thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ "Toà án nhân dân" thành "Viện kiểm sát nhân dân".

(5) Ghi số, ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: số 30/2017/TLST-LĐ).

(6) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: "tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân").

(7) Ghi số, ngày, tháng, năm của Quyết định đưa vụ án ra xét xử (ví dụ: số 02/2017/QĐXXST-LĐ ngày 20 tháng 01 năm 2017).

(8) Ghi rõ lý do của việc hoãn phiên toà dân sự sơ thẩm thuộc trường hợp cụ thể nào quy định tại điều luật tương ứng của Bộ luật tố tụng dân sự được nêu tại khoản 1 Điều 233 của Bộ luật tố tụng dân sự (ví dụ: Xét thấy nguyên đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt tại phiên toà lần thứ nhất vì lý do tai nạn lao động).

(9) Tuỳ từng trường hợp cụ thể mà ghi điều luật tương ứng của Bộ luật tố tụng dân sự (ví dụ: nguyên đơn vắng mặt lần thứ nhất có lý do chính đáng (bị tai nạn lao động phải đi cấp cứu tại bệnh viện) quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì ghi: "Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và Điều 233 của Bộ luật tố tụng dân sự").

(10) Ghi rõ thời gian, địa điểm mở lại phiên toà dân sự sơ thẩm (ví dụ: Phiên toà dân sự sơ thẩm sẽ được mở lại vào hồi 08.00 giờ ngày 18 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân quận 1, thành phố H), địa chỉ số….phố…phường….quận 1, thành phố H. Trong trường hợp chưa ấn định được thì ghi "Thời gian, địa điểm mở lại phiên toà xét xử vụ án sẽ được Toà án thông báo sau".

TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ NINH** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi... giờ...phút, ngày 30 tháng 3 năm 2017.

Tại:[(2)] .....

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quân.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lê Thị Sỹ.
2. Bà Huỳnh Thị Bích Phi.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 175/2016/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2016 về "Tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con, trách nhiệm trả nợ chung khi ly hôn" giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn Thạnh Hòa 2, xã Tam Đàn, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

Bị đơn: Anh Lê T Lý, sinh năm 1976. Địa chỉ: Thôn Thạnh Hòa 2, xã Tam Đàn, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội (NHCSXH) Việt Nam. Địa chỉ: Tòa nhà CC5, bán đảo Linh Đàm, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Do ông Nguyễn Dương Quang, chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huện Phú Ninh đại diện theo ủy quyền, theo quyết định ủy quyền số 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016 của Tổng giám đốc NHCSXH Việt Nam và Quyết định số 25/QĐ-NHCS ngày 14/3/2017 của Giám đốc Phòng giao dịch NHCSXH huyện Phú Ninh.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU[(9)]

.....

.....

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 30 tháng 3 năm 2017.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 51-DS:

(1) Ghi tên Toà án tiến hành phiên hoà giải và lập biên bản hoà giải thành; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H). Nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh, (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân tỉnh H).

(2) Ghi địa điểm nơi tiến hành phiên toà (ví dụ: Tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh N; hoặc: Tại Hội trường Uỷ ban nhân dân huyện S, thành phố H).

(3) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm thì ghi "sơ thẩm"; nếu Hội đồng xét xử phúc thẩm thì ghi "phúc thẩm".

(4) Ghi đầy đủ tên thành viên Hội đồng xét xử.

(5) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu tại cấp sơ thẩm thì ghi "TLST", nếu tại cấp phúc thẩm thì ghi "TLPT"; ô thứ tư nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi "DS"; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi "HNGĐ"; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi "KDTM"; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi "LĐ" (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).

(6) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: "tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân").

(7) Ghi đầy đủ tên của các đương sự tương ứng với tư cách đương sự trong vụ án.

(8) Nếu thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi tập quán, tương tự pháp luật, những nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ, hoặc lẽ công bằng (nếu có).

(9) Ghi các ý kiến thảo luận, biểu quyết và quyết định của Hội đồng xét xử theo từng vấn đề của vụ án, nếu có ý kiến khác thì ghi rõ ý kiến của thành viên Hội đồng xét xử có ý kiến khác.